

Số: 1232/QĐ-UBND

Long Biên, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu biên chế năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 102/TTr-NV ngày 30/3/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao chỉ tiêu biên chế viên chức, lao động hợp đồng định mức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP năm 2023 đối với các trường mầm non công lập tự chủ một phần chi thường xuyên trực thuộc UBND quận Long Biên (Có bảng phân bổ chỉ tiêu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này thay thế một phần Quyết định số 9758/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu biên chế đối với các trường mầm non năm 2023. Yêu cầu các trường mầm non công lập căn cứ số giao biên chế tại Quyết định này để thực hiện việc ký, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục & Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Hiệu trưởng các trường mầm non công lập và các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *vt*
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NV. (06)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà

ĐIỀU CHỈNH GIAO BIÊN CHẾ KHỐI MÀM NON NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 31 / 3 /2023 của UBND quận Long Biên)

TT	Tên trường	Số lớp		Số học sinh		Tổng biên chế giao	Số giao biên chế						LDHD định mức	LDHD 68
							Viên chức						Nhân viên nuôi dưỡng	Nhân viên bảo vệ
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo		Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên	Nhân viên hành chính	Nhân viên nuôi dưỡng	Nhân viên bảo vệ		
1	Ánh Sao	4	12	80	427	49	36	3	30	3			11	2
2	Bắc Biên	2	9	70	340	43	33	3	28	2			9	1
3	Bắc Cầu	2	7	50	230	29	22	3	17	2			6	1
4	Bồ Đề	3	11	97	457	44	32	3	27	2			11	1
5	Chim Én	2	14	82	667	61	42	3	37	2			16	3
6	Cự Khối	2	9	65	365	38	28	3	22	3			8	2
7	Đức Giang	3	11	98	392	51	39	3	32	3		1	10	2
8	Gia Quất	2	10	48	339	36	26	3	21	2			8	2
9	Gia Thượng	2	15	82	560	57	41	3	35	3			14	2
10	Gia Thụy	3	11	95	356	44	33	3	27	3			8	3
11	Giang Biên	4	12	116	441	51	36	3	30	3			12	3
12	Hoa Anh Đào	3	12	105	546	49	33	3	27	3			14	2
13	Hoa Hướng Dương	2	9	78	360	35	24	3	19	2			9	2
14	Hoa Mai	1	13	35	455	46	33	3	27	3			10	3
15	Hoa Phượng	2	7	50	248	31	23	3	18	2			6	2
16	Hoa Sen	1	9	31	314	33	24	3	18	3			7	2
17	Hoa Sữa	2	18	70	690	86	63	3	55	3	1	1	21	2

(. (15 * 1) 31

TT	Tên trường	Số lớp		Số học sinh		Tổng biên chế giao	Số giao biên chế							
							Viên chức						LDHD định mức	LDHD 68
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo		Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên	Nhân viên hành chính	Nhân viên nuôi dưỡng	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên nuôi dưỡng	Nhân viên bảo vệ
18	Hoa Thủy Tiên	2	14	69	470	52	38	3	33	2			11	3
19	Hồng Tiến	2	12	90	553	51	35	3	30	2			14	2
20	Long Biên	3	13	52	393	45	33	3	28	2			9	3
21	Long Biên A	2	9	64	332	34	24	3	19	2			8	2
22	Nắng Mai	3	10	150	281	37	26	3	21	2			9	2
23	Ngọc Thụy	4	13	113	437	59	44	3	38	3			13	2
24	Phúc Đồng	3	15	100	575	56	40	3	35	2			14	2
25	Phúc Lợi	2	11	40	373	41	29	3	23	3			9	3
26	Sơn Ca	3	9	106	338	40	31	3	23	3	2		7	2
27	Tân Mai	2	7	64	246	32	23	3	18	2			7	2
28	Thạch Bàn	3	14	105	570	54	37	3	32	2			14	3
29	Thạch Cầu	2	9	68	327	33	24	3	19	2			8	1
30	Thượng Thanh	1	8	41	259	33	23	3	17	3			7	3
31	Tràng An	3	15	115	588	54	37	3	32	2			15	2
32	Tuổi Hoa	2	10	50	354	39	26	3	21	2			10	3
33	Việt Hưng	2	8	53	242	35	26	3	21	2			6	3
34	Nguyệt Quế	4	10	80	230	34	25	3	20	2			7	2
35	Ban Mai Xanh	2	11	60	351	39	28	3	23	2			9	2
36	Hoa Mộc Lan	3	7	75	230	35	26	3	21	2			7	2
Tổng I		88	394	2747	14336	1586	1143	108	944	86	3	2	364	79